TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **78**/2026/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 12 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CAO BẰNG

- Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2026/TLST-HNGĐ ngày 19/8/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung" giữa:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Anh **Vương Thiện N** - sinh năm 1991.

Số CCCD: 00409100468x, ngày cấp: 18/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn H, xã T, tỉnh Cao Bằng.

+ Chị **Nông Thị H** - sinh năm 1991.

Số CCCD: 00419100943x, ngày cấp: 16/10/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm L, xã H, tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Vương Thiện N và chị Nông Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B (nay là UBND xã H), tỉnh Cao Bằng vào ngày 07/01/2013 (Giấy đăng ký kết hôn số 01-2013).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh N và chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên xảy ra cãi vã với nhau. Vợ chồng đã cố gắng tự hòa giải để hàn gắn tình

cảm nhưng không thành. Nay cả anh N và chị H đều xác định đời sống hôn nhân không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn và cùng yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai cùng có yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh N và chị H là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Vương Thiện N và chị Nông Thị H xác nhận có 01 con chung tên Vương Nông Trường V - sinh ngày 02/10/2014. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh N. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc thoả thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh N và chị H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về lệ phí: Anh N và chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị thống nhất để anh N nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vương Thiện N và chị Nông Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh N và chị H xác nhận có 01 con chung tên Vương Nông Trường V - sinh ngày 02/10/2014. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận, anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Về lệ phí Hôn nhân: Anh Vương Thiện N tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000168 ngày 18/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Xác nhận anh N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKS khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thúy